

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 25-26

Môn học
CBGD

Bóng đá
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 07

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234007	1	2125330125	Nguyễn Thành	An	01/01/2007	CCQ2533D	6.4	6.0	6,20	
234007	2	2125330085	Nguyễn Đức Hồng	Anh	25/05/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	3	2125330088	Nguyễn Nhật	Anh	08/07/2006	CCQ2533C	6.0	5.0	5,40	
234007	4	2125330097	Bùi Quốc	Bảo	16/08/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	5	2124330012	Dương Hữu	Bảo	22/09/2004	CCQ2433A	7.0	4.0	5,20	
234007	6	2125310202	Lê Quang	Bảo	07/04/2007	CCQ2531E	6.9	6.0	6,40	
234007	7	2125330120	Ninh Trí	Bảo	13/05/2006	CCQ2533D	4.5	0.0	1,80	
234007	8	2125330141	Hồ Ngọc Huy	Chương	18/04/2007	CCQ2533D	0.0	0.0	0,00	
234007	9	2125330087	Phạm Gia	Đại	20/01/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	10	2125330110	Đinh Chí	Danh	06/01/2007	CCQ2533D	8.3	4.0	5,70	
234007	11	2125330096	Nguyễn Thành	Danh	31/05/2007	CCQ2533C	7.0	4.0	5,20	
234007	12	2125330114	Trương Anh	Điền	15/10/2007	CCQ2533D	6.8	4.0	5,10	
234007	13	2125330075	Nguyễn Hoàng Anh	Đức	23/04/2007	CCQ2533C	6.3	7.0	6,70	
234007	14	2125330092	Mai Xuân	Được	29/06/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	15	2125330135	Nguyễn Tùng	Dương	22/10/2007	CCQ2533D	6.5	4.0	5,00	

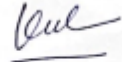
Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234007	16	2125270175	Ninh Đức	Dương	14/12/2007	CCQ2527C	0.0	0.0	0,00	
234007	17	2125330098	Nguyễn Phạm Hữu	Duy	25/02/2006	CCQ2533C	7.4	4.0	5,40	
234007	18	2125330198	Hồ Văn Trường	Giang	19/11/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0,00	
234007	19	2125330089	Bùi Vũ	Hải	23/06/2007	CCQ2533C	7.8	6.0	6,70	
234007	20	2125330116	Nguyễn Huy	Hào	05/02/2007	CCQ2533D	9.1	5.0	6,60	
234007	21	2125330203	Trần Đoàn Đức	Hậu	17/04/2006	CCQ2533C	5.3	0.0	2,10	
234007	22	2125330123	Nguyễn	Hoà	07/07/2006	CCQ2533D	7.8	6.0	6,70	
234007	23	2125330076	Trần Minh	Hoà	17/05/2007	CCQ2533C	6.5	7.0	6,80	
234007	24	2125270174	Đặng Việt	Hoàng	01/11/2007	CCQ2527C	0.0	0.0	0,00	
234007	25	2125330103	Nguyễn Minh	Hoàng	07/09/2007	CCQ2533C	5.1	5.0	5,00	
234007	26	2125330105	Trần Đức	Hoàng	15/08/2007	CCQ2533C	7.0	4.0	5,20	
234007	27	2125330131	Nguyễn Viết	Học	08/11/2007	CCQ2533D	8.1	6.0	6,80	
234007	28	2125330086	Đình Tổ	Hữu	03/02/2004	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	29	2125330112	Bế Quang	Huy	11/09/2007	CCQ2533D	5.3	5.0	5,10	
234007	30	2125330115	Châu Gia	Huy	24/07/2007	CCQ2533D	6.9	9.0	8,20	
234007	31	2125330083	Phan Ngọc	Huy	06/09/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	32	2125330129	Trần Quang	Huy	19/07/2007	CCQ2533D	8.6	5.0	6,40	
234007	33	2125310204	Nguyễn Minh	Kha	05/07/2007	CCQ2531E	7.0	8.0	7,60	
234007	34	2125330079	Huỳnh Gia	Khang	24/05/2007	CCQ2533C	7.4	8.0	7,80	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234007	35	2125330078	Huỳnh Nguyên	Khang	19/12/2007	CCQ2533C	7.9	6.0	6,80	
234007	36	2125330093	Phan Huỳnh	Khánh	20/01/2006	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	37	2125330113	Võ Thanh	Khánh	24/05/2007	CCQ2533D	0.0	0.0	0,00	
234007	38	2125330121	Bùi Anh	Khoa	12/06/2007	CCQ2533D	7.4	4.0	5,40	
234007	39	2125330099	Nguyễn Trường	Linh	26/03/2007	CCQ2533C	0.0	10.0	6,00	
234007	40	2125330104	Hoàng Việt	Long	16/10/2006	CCQ2533C	7.4	6.0	6,60	
234007	41	2125330072	Nguyễn Thành	Long	18/03/2007	CCQ2533C	7.3	4.0	5,30	
234007	42	2125330100	Đặng Văn	Minh	10/07/2002	CCQ2533C	6.1	7.0	6,60	
234007	43	2125330139	Hồ Thanh	Nam	28/03/2007	CCQ2533D	8.0	6.0	6,80	
234007	44	2125330122	Trần Đại	Nghĩa	06/05/2007	CCQ2533D	6.4	5.0	5,60	
234007	45	2125330128	Nguyễn Hoài	Nhật	30/07/2007	CCQ2533D	6.6	5.0	5,60	
234007	46	2125330101	Dương Anh	Nhựt	25/05/2007	CCQ2533C	8.5	3.0	5,20	
234007	47	2125330084	Hoàng	Phúc	06/04/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	48	2125330117	Kinh Hữu	Phúc	05/09/2007	CCQ2533D	6.9	8.0	7,60	
234007	49	2125330102	Nguyễn Quang	Phúc	24/12/2007	CCQ2533C	5.1	5.0	5,00	
234007	50	2125330095	Nguyễn Trọng	Phúc	04/12/2007	CCQ2533C	5.4	6.0	5,80	
234007	51	2125330132	Võ Hà Minh	Phương	28/11/2007	CCQ2533D	7.1	9.0	8,20	
234007	52	2125330133	Mã Thành	Quân	28/08/2007	CCQ2533D	8.6	6.0	7,00	
234007	53	2125330094	Đỗ Phúc	Quang	10/01/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234007	54	2125330137	Lê Công Phú	Quý	11/09/2007	CCQ2533D	0.0	0.0	0,00	
234007	55	2125330108	Nguyễn Anh	Tài	12/05/2007	CCQ2533D	8.3	6.0	6,90	
234007	56	2125330109	Nguyễn Tấn	Tài	16/12/2007	CCQ2533D	0.0	0.0	0,00	
234007	57	2125330080	Văn Thành	Tài	10/10/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	58	2125330118	Lãnh Xuân	Thành	16/09/2007	CCQ2533D	7.8	4.0	5,50	
234007	59	2125330186	Đạt Quang	Thuận	10/11/2007	CCQ2533D	5.3	9.0	7,50	
234007	60	2125330082	Mai Văn Trung	Thuận	12/02/2007	CCQ2533C	7.8	5.0	6,10	
234007	61	2125330200	Nguyễn Vĩnh	Tiến	23/04/2007	CCQ2533D	6.0	5.0	5,40	
234007	62	2125330136	Văn Hoàn	Tiến	11/11/2007	CCQ2533D	0.0	0.0	0,00	
234007	63	2125330090	Phan Thái	Toàn	06/06/2007	CCQ2533C	5.1	5.0	5,00	
234007	64	2125330130	Mai Quốc	Trị	15/05/2007	CCQ2533D	6.1	6.0	6,00	
234007	65	2125330124	Lê Hoàng	Trọng	19/04/2007	CCQ2533D	5.0	5.0	5,00	
234007	66	2125330077	Đình Trọng	Trường	02/05/2004	CCQ2533C	6.1	5.0	5,40	
234007	67	2125330074	Thái Nhật	Trường	08/12/2007	CCQ2533C	5.0	5.0	5,00	
234007	68	2125330106	Lê Tuấn	Tú	12/12/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	
234007	69	2125330073	Bùi Nguyễn Anh	Tuấn	07/04/2007	CCQ2533C	5.1	5.0	5,00	
234007	70	2125330127	Cao Đỗ Thanh	Tuấn	08/06/2007	CCQ2533D	6.9	6.0	6,40	
234007	71	2125330158	Vũ Đức	Tùng	06/01/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
234007	72	2125330091	Hoàng Tuấn	Văn	10/12/2007	CCQ2533C	8.0	3.0	5,00	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234007	73	2125330140	Đặng Huỳnh Anh Vũ	22/10/2007	CCQ2533D	7.6	8.0	7,80	

TPHCM, ngày 10 tháng 01 năm 2026


Lương Anh Kiệt